TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 828/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thanh T, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Lê Thanh T tự nguyện thành hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2012. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do có sự bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp nhau, do không thể tiếp tục sống chung được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Thời gian chung sống, anh và chị T có 03 con chung tên Nguyễn Vũ C, sinh năm 2004 đã thành niên; Nguyễn Kiều V, sinh ngày 11/7/2007 hiện đang ở cùng chị T và Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/6/2013 đang ở cùng anh Đ.

Sau khi ly hôn anh yêu cầu nuôi Nguyễn Gia H, giao Nguyễn Kiều V cho chị T nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng cho con; đối với Nguyễn Vũ C đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không đặt ra yêu cầu.

Bị đơn chị Lê Thanh T trình bày: Chị và anh Đ tự nguyện thành hôn vào năm 2003 là đúng, có đăng ký kết hôn như anh Đ trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ không chung thuỷ dẫn đến vợ chồng bất hoà và hay cãi nhau, chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

Vợ chồng có 03 con chung như anh Đ trình bày, chị đồng ý nuôi Nguyễn Kiều V và yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của Nguyễn Gia H, không đặt ra việc cấp dưỡng cho con; đối với Nguyễn Vũ C đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết trong cùng vụ án, chị sẽ khởi kiện khi không thoả thuận được với anh Đ.

Về nợ chung: Tại phiên toà chị xác định có nợ chung và cùng anh Đ thoả thuận việc trả nợ.

Đối với Nguyễn Gia H là con chung của anh Đ và chị T có nguyện vọng ở cùng anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Thời gian anh Đ và chị T chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng lẫn nhau và không tự giải quyết được, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đôi bên không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án anh Đ và chị T đều xác định không thể tiếp tục sống chung và thống nhất ly hôn với nhau. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh Đ được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị T có 03 con chung, sau khi ly hôn anh Đ yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Gia H, giao cháu Nguyễn Kiều V cho chị T nuôi. Xét thấy, thực tế cháu H do anh Đ đang trực tiếp nuôi và cháu có nguyện vọng ở cùng anh; đối với cháu V do đi làm xa, Tòa án chưa xem xét được nguyện vọng của cháu, tuy nhiên cháu đã gần 17 tuổi và đang ở cùng chị T, chị T có yêu cầu nuôi; để không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia

đình chấp nhận giao Nguyễn Gia H cho anh Đ nuôi và giao cháu Nguyễn Kiều V cho chị T nuôi.

Đối với Nguyễn Vũ C đã thành niên, anh chị không đặt ra yêu cầu, nên không giải quyết.

Anh Đ và chị T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng cho con, nên không giải quyết.

Anh Đ và chị T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Điều không yêu cầu; đối với chị T trong quá trình giải quyết vụ án không đặt ra yêu cầu, tại phiên tòa đặt ra yêu cầu, nên không giải quyết trong cùng vụ án này. Các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Anh Điều chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Lê Thanh T.

2. Về con chung: Anh Đ nuôi con tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/6/2013 hiện đang ở cùng anh. Chị T nuôi con tên Nguyễn Kiều V, sinh ngày 11/7/2007 hiện đang ở cùng chị. Về cấp dưỡng cho con, do đương sự không yêu cầu, nên không giải quyết.

Anh Đ, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của người còn lại.

3. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng, anh Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004206 ngày 05/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Việt X